

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày 22 – 02 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Cúc

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - là thư ký viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Luyện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 482/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2020/QĐXXST-DS ngày 28/12/2020, Thông báo bổ sung người tiến hành tố tụng ngày 01/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị A, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 10, đường L, khóm 4, phường 3, thành phố C, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Từ Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: khóm 9, Phường T, thành phố C, tỉnh C (theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021) (có mặt)

- Bị đơn: Bà Tạ Thanh N, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 10, đường B, khóm 8, phường 9, thành phố C, tỉnh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Trước ngày 27/4/2017, bà A chơi hụi dùm cho bà N bằng cách bà A là hụi viên, tự đứng tên chơi hụi, đóng hụi và hốt hụi. Nhưng nội dung và thời gian chơi hụi cụ thể như thế nào bà A không còn nhớ rõ, chỉ nhớ là bà A đã hốt và giao tiền

hụi lại cho bà N, sau đó bà N không đóng hụi chết, bà phải đóng thay cho bà N tổng cộng 28.000.000đ tiền hụi chết, hụi này cũng đã mất từ lâu, không nhớ rõ thời gian mất hụi, vì vậy bà N còn thiếu 28.000.000đ là tiền hụi chết. Đến ngày 27/4/2017, bà A cho bà N vay số tiền 196.000.000đ, không tính lãi. Vì vậy, cùng ngày 27/4/2017, đôi bên có làm giấy cho vay tiền đề ngày 27/4/2017 với nội dung bà A cho bà N vay 196.000.000đ, không tính lãi, và bà N nợ tiền hụi 28.000.000đ, tổng cộng bà N mượn nợ là 224.000.000đ và thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 200.000đ cho đến dứt nợ, bắt đầu góp từ ngày 27/4/2017, bà N có ký tên tại bên vay tiền. Quá trình thực hiện, bà N chỉ góp được một ngày với số tiền 200.000đ, trả chung cho khoản nợ 224.000.000đ, không phân biệt trả cho nợ vay hay nợ hụi. Sau đó bà N không góp thêm khoản nào nữa. Nay bà yêu cầu bà Tạ Thanh N trả số tiền còn nợ là 223.800.000đ, không yêu cầu trả lãi. Việc cho vay không có thế chấp, cầm cố tài sản gì.

Khoản nợ 224.000.000đ theo giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017 không có liên quan gì đến khoản tiền 600.000.000đ theo Bản án số 150/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Ngoài khoản nợ theo giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017, bà N cũng không còn nợ bà khoản nợ nào khác.

Tại bản tự khai và lời trình bày bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào năm 2017, bà có vay tiền của bà A nhiều lần, mỗi lần vay số tiền là 10.000.000đ, 20.000.000đ, không nhớ cụ thể số tiền vay mỗi lần; lãi 30%/ngày, những lần vay tiền và trả lãi không có biên nhận và bà không nhớ cụ thể vay và trả lãi ngày tháng năm nào, số tiền đóng lãi từng lần bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ. Đến ngày 27/4/2017, giữa bà và bà A đã chốt nợ lại, bà còn nợ bà A số tiền 224.000.000đ, bao gồm cả số tiền nợ vốn và số tiền nợ lãi bà A đã cộng lại và bà viết thành biên nhận và ký tên. Chữ ký bên vay tiền Tại giấy cho vay tiền đề ngày 27/4/2017 là do bà ký tên và bên cho vay tiền do bà Trương Thị A ký tên. Hiện nay bà không nhớ đã trả bao nhiêu tiền vốn, bao nhiêu tiền lãi chỉ nhớ còn nợ bà A một số tiền vốn, không nhớ cụ thể là nợ bao nhiêu, không biết nợ bao nhiêu tiền lãi. Việc cho vay không có thế chấp, cầm cố tài sản gì. Bà đồng ý trả tiền vốn còn nợ cho bà A, không đồng ý trả lãi. Do hoàn cảnh khó khăn, không còn tài sản gì nên bà yêu cầu mỗi tháng trả 500.000đ.

Khoản nợ tại giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017 với số tiền 224.000.000đ không có liên quan gì đến khoản vay trước đó. Các khoản vay trước đã được các bên tất toán vào năm 2016 và đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết bằng bản án số 150/2018/DS-ST ngày 29/10/2018.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N đều thừa nhận khoản nợ 224.000.000đ không liên quan đến số tiền 600.000.000đ đã được Tòa án thành phố Cà Mau giải quyết tại Bản án số 150/2018/DS-ST ngày 29/10/2018, các khoản

nợ trước đây đã được bà A và bà N tất toán với nhau vào năm 2016, hiện nay bà vẫn còn nợ bà A nhưng không nhớ rõ còn nợ bao nhiêu. Căn cứ vào Giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N thanh toán cho bà A số tiền 223.800.000đ. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà A khởi kiện yêu cầu bà N trả khoản nợ vay và nợ tiềnhui tổng cộng là 224.000.000đ diễn ra từ ngày 27/4/2017, bà N thừa nhận còn nợ bà A nhưng không nhớ rõ số nợ cụ thể là bao nhiêu nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà A và bà N đều cho rằng, khoản nợ 224.000.000đ theo giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017 do các bên ký tên không có liên quan đến số tiền 600.000.000đ mà Tòa án thành phố Cà Mau giải quyết tại Bản án số 150/2018/DS-ST ngày 29/10/2018.

Hiện nay bà N cho rằng, bà còn nợ bà A nhưng không nhớ cụ thể số tiền vốn đã vay, số tiền lãi đã trả, chỉ nhớ hiện nay bà vẫn còn nợ bà A, không nhớ cụ thể là còn nợ bao nhiêu. Tại phiên tòa, bà N chỉ cung cấp được 02 tờ giấy ghi các con số (Bút lục số 40, 41) và cho rằng nội dung những con số này là tiền lãi do bà A tự tính, tự ghi nợ và đưa cho bà nhưng bà N không giải trình được những con số này có nội dung gì, ghi vào thời gian nào, số nào là tiền vốn, số nào là tiền lãi, tiền lãi được tính như thế nào, trong khi bà A không thừa nhận nội dung đã ghi trong hai tờ giấy này, do đó không có cơ sở chấp nhận trình bày của bà N. Căn cứ vào giấy cho vay tiền ngày 27/4/2017 do bà A và bà N ký (bút lục số 31) có cơ sở xác định, bà N có nợ bà A khoản tiền vay là 196.000.000đ và tiềnhui là 28.000.000đ, tổng cộng 224.000.000đ. Bà A cho rằng bà N đã trả được 200.000đ tiền vốn cho tổng cộng số tiền nợ là 224.000.000đ, không phân biệt là trả tiền nợhui hay tiền vay, bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của mình nên chấp nhận yêu cầu của bà A, bà N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền vay và tiềnhui còn nợ tổng cộng là 223.800.000đ. Bà A không yêu cầu trả lãi nên không đề cập xem xét.

[3] Đối với việc bà N cho rằng bà không còn khả năng trả nợ, yêu cầu được trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ, xét đây là tranh chấp về phương thức thanh toán nợ, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 466 Bộ luật dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A.

Buộc bà Tạ Thanh N thanh toán cho bà Trương Thị A tổng cộng các khoản nợ vay và nợ hui là 223.800.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, bà N phải thanh toán xong khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà N phải nộp 11.190.000đ (chưa nộp). Bà A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.595.000đ theo biên lai thu số 0000210 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà A và bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh